

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

STT	TÊN QUY TRÌNH	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1. Lĩnh vực Giáo dục mầm non			
1.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	QT-01/GDMN	
2.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GDMN	
3.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GDMN	
4.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GDMN	
5.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-05/GDMN	
2. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học			
6.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực	QT-01/GDTH	
7.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-02/GDTH	
8.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GDTH	
9.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-04/GDTH	
10.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-05/GDTH	
3. Lĩnh vực Giáo dục Trung học			
11.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	QT-01/GD.THCS	
12.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-02/GD.THCS	

13.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-03/GD.THCS	
14.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-04/GD.THCS	
15.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-05/GD.THCS	
16.	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT-06/GD.THCS	
17.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-07/GD.THCS	
4. Lĩnh vực Giáo dục dân tộc			
18.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-01/GDDT	
19.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-02/GDDT	
20.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT-03/GDDT	
21.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-04/GDDT	
22.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-05/GDDT	
5. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			
23.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-01/GDĐT-CD	
24.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-02/GDĐT-CD	
6. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
25.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-01/GDĐT-PC	
26.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-01/GDĐT-QD	
27.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-03/GDĐT	
28.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-04/GDĐT	
29.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh	QT-05/GDĐT	

	bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn		
30.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT-06/GDDT	
31.	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	QT-07/GDDT	
32.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-08/GDDT	
33.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-09/GDDT	
7. Lĩnh vực Đường bộ			
34.	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông	QT-01/ĐB	
35.	Gia hạn giấy phép	QT-02/ĐB	
8. Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
36.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-01/ĐTNĐ	
37.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-02/ĐTNĐ	
38.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-03/ĐTNĐ	
39.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-04/ĐTNĐ	
40.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-05/ĐTNĐ	
41.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-06/ĐTNĐ	
42.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-07/ĐTNĐ	
43.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng	QT-08/ĐTNĐ	

44.	Xóa đăng ký phương tiện	QT-09/ĐTND	
45.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-10/ĐTND	
46.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT-11/ĐTND	
47.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-12/ĐTND	
48.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-13/ĐTND	
9. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở			
49.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-01/VHQC	
50.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-02/VHQC	
51.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-03/VHQC	
52.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-04/VHQC	
53.	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT-01/VH	
54.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT-02/VH	
55.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-03/VH	
56.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-04/VH	
10. Lĩnh vực Thư viện			
57.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV	
58.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV	
59.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề	QT-03/TV	

	ngiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng		
11. Lĩnh vực Gia đình			
60.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/GĐ	
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/GĐ	
62.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/GĐ	
63.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/GĐ	
64.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-05/GĐ	
65.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-06/GĐ	
12. Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành			
66.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-01/XB	
67.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-02/XB	
13. Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử			
68.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-01/VHTT	
69.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-02/VHTT	
70.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-03/VHTT	
71.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-04/VHTT	

14. Lĩnh vực Kinh doanh khí			
72.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT10/LTHH	
73.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT11/LTHH	
74.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT12/LTHH	
15. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
75.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT01/LTHH	
76.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT02/LTHH	
77.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT03/LTHH	
78.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT04/LTHH	
79.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT05/LTHH	
80.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT06/LTHH	
81.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT07/LTHH	
82.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT08/LTHH	
83.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT09/LTHH	
16. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh			
84.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD	
85.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD	
86.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-03/HKD	
87.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD	
88.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-05/HKD	
17. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã			
89.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT-01/HTX	

90.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX	
91.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX	
92.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX	
93.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX	
94.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX	
95.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX	
96.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX	
97.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX	
98.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX	
99.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX	
100.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX	
101.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX	
102.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX	
103.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX	
104.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-16/HTX	
18. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn			
105.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT13/NN	
19. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
106.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT17/NN	

20. Lĩnh vực Thủy sản			
107.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT14/MT	
108.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT15/TS	
109.	Công bố mở cảng cá loại 3	QT16/TS	
21. Lĩnh vực Lâm nghiệp			
110.	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT18/LN	
22. Lĩnh vực Tôn giáo			
111.	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TG	
112.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-02/TG	
113.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-03/TG	
114.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-04/TG	
115.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-05/TG	
116.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-06/TG	
117.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-07/TG	
118.	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã,	QT-08/TG	

	thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
23. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng			
119.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/TĐKT	
120.	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-02/TĐKT	
121.	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT-03/TĐKT	
122.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-04/TĐKT	
123.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-05/TĐKT	
124.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT-06/TĐKT	
125.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT-07/TĐKT	
126.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	QT-08/TĐKT	
24. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập			
127.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-01/SNCL	
128.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-02/SNCL	
129.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-03/SNCL	
130.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-04/TCHC	
131.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-05/TCHC	
132.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-06/TCHC	
25. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ			
133.	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT-01/PCP	
134.	Thành lập hội	QT-02/PCP	
135.	Phê duyệt điều lệ hội	QT-03/PCP	
136.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-04/PCP	
137.	Đổi tên hội	QT-05/PCP	

138.	Hội tự giải thể	QT-06/PCP	
139.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-07/PCP	
26. Lĩnh vực Quản lý công sản			
140.	Mua quyền hóa đơn	QT-01/QLCS	
141.	Mua hóa đơn lẻ	QT-02/QLCS	
27. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở			
142.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-01/HGCS	
28. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước			
143.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	
144.	Phục hồi danh dự	QT-02/BTNN	
29. Lĩnh vực Hộ tịch			
145.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	
146.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT	
147.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT	
148.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT	
149.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT	
150.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT	
151.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT	
152.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/HT	
153.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-09/HT	
154.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/HT	

155.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-11/HT	
156.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT	
157.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/HT	
158.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/HT	
159.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/HT	
160.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-16/HT	
30. Lĩnh vực Chứng thực			
161.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT	
162.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT	
163.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-03/CT	
164.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT-04/CT	
165.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-05/CT	
166.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-06/CT	
167.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT	
168.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-08/CT	
169.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-09/CT	
170.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-10/CT	

171.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-11/CT	
172.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-12/CT	
31. Lĩnh vực Nuôi con nuôi			
173.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-01/NCN	
32. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại			
174.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-01/GQKN	
175.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-02/GQKN	
33. Lĩnh vực Giải quyết tố cáo			
176.	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-03/GQTC	
34. Lĩnh vực Tiếp công dân			
177.	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT-01/TCD	
35. Lĩnh vực Xử lý đơn thư			
178.	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT-01/XLD	
36. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng			
179.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT-04/PCTN	
180.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-05/PCTN	
181.	Thực hiện việc giải trình	QT-06/PCTN	
37. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội			
182.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-03/TNXH	
38. Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động			
183.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-06/LĐTL	
39. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
184.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-07/BTXH	
185.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội	QT-08/BTXH	

	ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		
186.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-09/BTXH	
187.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-10/BTXH	
188.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT-11/BTXH	
189.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-12/BTXH	
190.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-13/BTXH	
191.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-14/BTXH	
192.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-15/BTXH	
193.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-16/BTXH	
194.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-17/BTXH	
195.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-18/BTXH	
40. Lĩnh vực Người có công			
196.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/NCC	
197.	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT-02/NCC	

41. Lĩnh vực Trẻ em			
198.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-19/TE	
199.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-20/TE	
42. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc			
200.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/QHXD	
201.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-02/QHXD	
202.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-03/QHXD	
43. Lĩnh vực Xây dựng			
203.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD	
204.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD	
205.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/XD	

206.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/XD	
207.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/XD	
208.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-06/XD	
209.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-07/XD	
210.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-08/XD	
44. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật			
211.	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	QT-01/HTKT	
45. Lĩnh vực Môi trường			
212.	Cấp giấy phép môi trường	QT-01/MT	
213.	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT-02/MT	
214.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-03/MT	
215.	Cấp lại giấy phép môi trường	QT-04/MT	
46. Lĩnh vực Đăng ký đất đai			
216.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT-01/ĐĐ	

217.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-02/ĐĐ	
218.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-03/ĐĐ	
219.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-04/ĐĐ	
220.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	QT-05/ĐĐ	
221.	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-06/ĐĐ	
222.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân	QT-07/ĐĐ	
223.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-08/ĐĐ	
47. Lĩnh vực Tài nguyên nước			
224.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-01/KTN	
48. Lĩnh vực Thuế			
225.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT-01/THUE	